TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 17/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Ông Kim Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang - Tổng cục VIII Bộ Công an, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị TH trình bày:

Bà và ông Kim Văn H kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 10 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn, cả hai ông bà đều được tự do tìm hiểu nhau và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, bà về làm dâu ngay và làm ăn ở chung cùng với gia đình ông H cho đến khi bà và ông H sống ly thân nhau. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến

việc vợ chồng mâu thuẫn là do ông H chơi bời, không quan tâm gì đến mẹ con bà. Ngoài ra, ông H còn có quan hệ bất chính với người đàn bà khác. Khi bà phát hiện ra, bà đã khuyên bảo nhưng ông H không nghe ngược lại, ông H còn đánh đập chửi bới bà thậm tệ rồi làm đơn xin ly hôn đối với bà. Tại thời điểm ông H làm đơn xin ly hôn, do bà thương con nên bà không đồng ý nhưng ông H bắt ép bà phải ký đơn xin ly hôn, sau đó ông H tự đem đơn đến Tòa án để nộp. Trong thời gian chờ Tòa án thụ lý giải quyết đơn ly hôn của ông H, ở nhà hai bên gia đình đã giàn xếp nên ông H đã xin rút đơn ly hôn. Sau khi ông H rút đơn ly hôn, tình cảm vợ chồng không cải thiện ngược lại ông H còn chơi bời dẫn đến vi phạm phạm luật hiện nay ông H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang về tội: Giết người. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Kim Văn H.

Bị đơn là ông Kim Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai và đơn đề nghị ngày 10/7/2018, ông H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và con chung như lời trình bày trên của bà TH là đúng. Tuy nhiên, theo ông H thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày giữa ông và bà TH không hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm. Trước khi ông bị bắt giam thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân ông và bà TH không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay bà TH xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Bà TH và ông H đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là Kim Thị A, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1999 và Kim Văn B, sinh ngày 22/11/2006. Cháu A hiện đã trưởng thành nên ly hôn bà TH và ông H không đề nghị Tòa giải quyết, còn cháu B hiện tại đang ở với bà TH. Ly hôn, bà TH xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, ông H đang phải đi chấp hành hình phạt tù nên ông H tự nguyện giao cháu B cho bà TH tiếp tục trông nom nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2018 của cháu B, cháu B có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Bà TH và ông H đều xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn ông bà thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng

quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị TH và cho bà TH được ly hôn với ông Kim Văn H. Giao cháu Kim Văn B, sinh ngày 22/11/2006 cho bà TH được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà TH; không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của ông H.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Bà TH và ông H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà TH phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị TH là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là ông Kim Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà TH và ông H đều thừa nhận, ông bà kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 10 năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Ông Kim Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, hiện tại ông H đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang nên ông H không thể tham gia phiên tòa được, ông H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Kim Văn H.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà TH xác định, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Căn cứ vào lời trình bày của bà TH và ông H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị TH và ông Kim Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn, bà TH và ông H đều chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, bà TH và ông H đều thừa nhận, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông H chơi bời dẫn đến vi phạm phạm luật, không quan tâm gì đến vợ con. Chính quyền xã Đ cũng xác định, trước khi ông H phạm tội. Ông H là người sống buông thả không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con. Hiện tại, ông H đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang do vi phạm pháp luật. Mặt khác, trước khi ông H bị bắt, bà TH và ông H đã có thời gian sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả ông H và bà TH đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nên bà TH làm đơn xin ly hôn với ông H. Bản thân ông H cũng xác định, tình cảm vợ chồng không còn do vậy bà TH xin ly hôn, ông đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa bà TH và ông H đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định, yêu cầu xin ly hôn của bà TH là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho bà TH được ly hôn với ông Kim Văn H.

Về con chung: Bà TH và ông H đều thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là Kim Thị A, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1999 và Kim Văn B, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2006. Hiện nay cháu A đã trưởng thành nên ly hôn ông bà không đề nghị Tòa giải quyết, còn cháu B hiện nay đang ở với bà TH. Ly hôn, nguyện vọng của bà TH xin được nuôi con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông H thì đồng ý và tự nguyện giao cháu B cho bà TH tiếp tục nuôi dưỡng. Bản thân cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Bà TH có nguyện vọng xin được nuôi con, ông H đồng ý và tự nguyện giao con cho bà TH nuôi trong điều kiện ông H đang phải đi thụ án là chính đáng. Bản thân cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ là phù hợp với quy định của pháp luật cho nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Giao cháu B cho bà TH tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, do bà TH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của ông H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: bà TH và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà TH phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thị TH được ly hôn với ông Kim Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung là Kim Văn B, sinh ngày 22/11/2006 cho bà Nguyễn Thị TH được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Kim Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà TH, không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của ông H.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị TH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002092 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, bà TH đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh